



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

www.lilama454.com.vn



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

MỤC LỤC

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

23

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

33

TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG TRONG

43

BÁO CÁO CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC



55

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

71

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

60

QUẢN TRỊ CÔNG TY

49

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI
ĐỒNG QUẢN TRỊ**

THÔNG TIN CHUNG

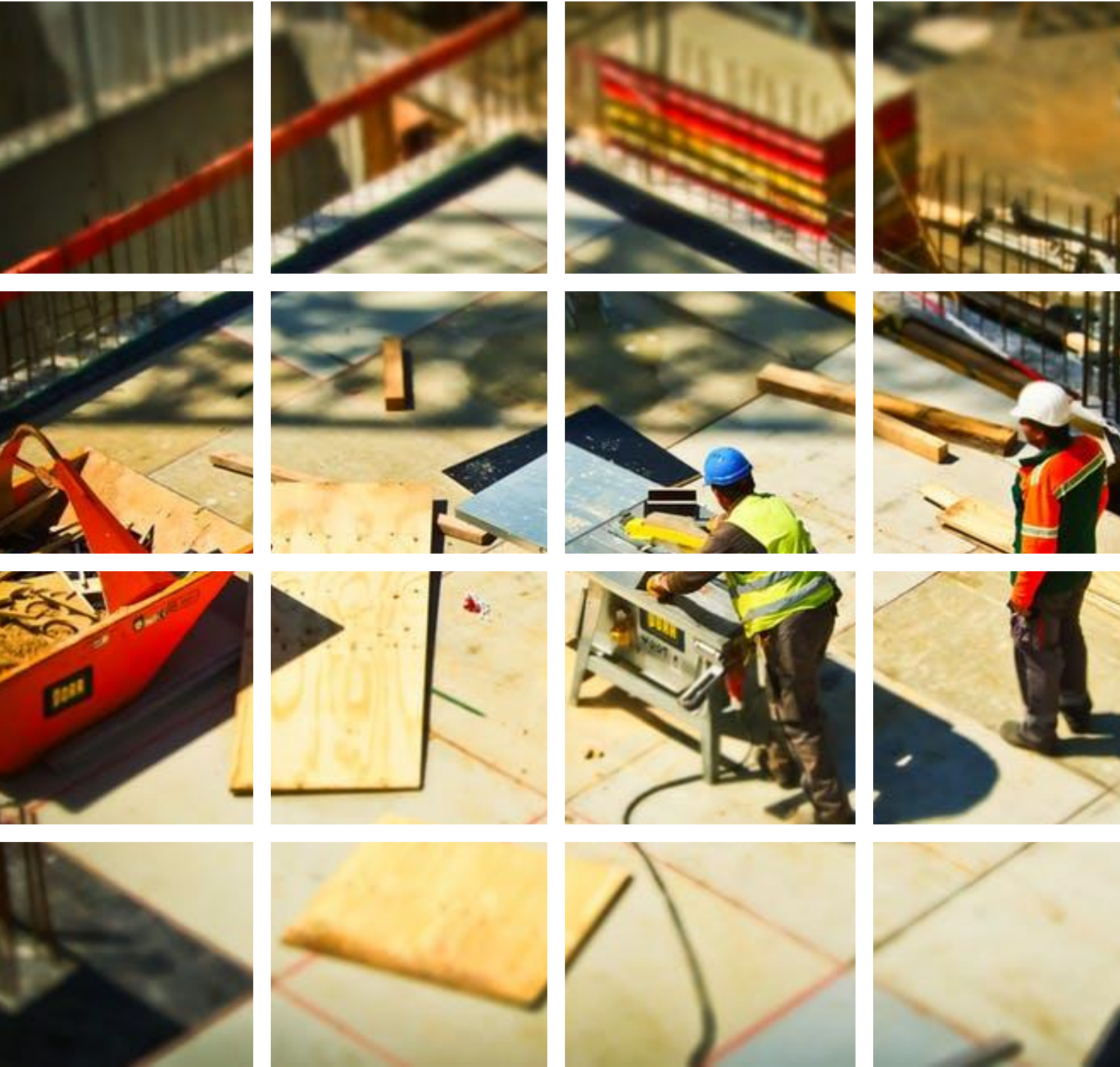
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
LILAMA
45.4**

*Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Giải thưởng tiêu biểu*

Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT





Tên công ty :

Tên giao dịch:

Tên công ty viết tắt:

Giấy CNĐKDN số:

Vốn điều lệ:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số fax:

Website:

Email:

Mã cổ phiếu:

Logo công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

LILAMA 45.4 JOINT STOCK COMPANY

LILAMA 45.4 JSC

**3600255703 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng
cấp lần đầu vào ngày 14/08/20016, thay đổi lần
thứ 5 ngày 13/09/2017**

40.000.000.000 VNĐ

**Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội,
Phường Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai**

(0251) 3 838 188

(0251) 3 838 008

www.lilama454.com.vn

Lilama454vnn@vnn.vn

L44



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần LILAMA 45.4 (L44) được thành lập năm 1979, là doanh nghiệp hạng I thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam (LILAMA) chuyên nhận thầu xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng trong và ngoài nước.

1979

Công ty chuyển sang hoạt động dưới mô hình là CTCP theo quyết định số 794/QĐ-BXD ngày 17/5/2006 với vốn điều lệ 11,2 tỷ đồng.

2006

Cổ phiếu chính thức được giao dịch trên sàn HOSE với mã chứng khoán là L44. Đó là một bước tiến cũng như bước ngoặt mạnh mẽ trong việc phát triển thương hiệu Lilama 45.4

2009

- Tháng 8 năm 2011 ký kết hợp đồng với công ty PTSC- Công ty cổ phần dịch vụ Cơ khí Hàng Hải để triển khai dự án Biển Đông trị giá 3 triệu USD
- Ký kết thành công dự án điện gió Bạc Liêu trị giá 40 tỷ đồng với Công ty TNHH xây dựng Thương mại dịch vụ du lịch Công Lý.

2011

“ Từ khi thành lập đến nay Công ty đã tham gia lắp đặt hàng trăm công trình lớn nhỏ trên khắp mọi miền đất nước, đã và đang đưa vào sử dụng đạt chất lượng cao. Hơn 35 năm hoạt động và phát triển, Công ty Lilama 45.4 luôn giữ được tín nhiệm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước về chất lượng, tiến độ thi công và các dịch vụ bảo hành, bảo trì chu đáo”

2017

Tăng vốn điều lệ lên 40.000.000.000 đồng, đánh giá cột mốc quan trọng trong quá trình tái cơ cấu doanh nghiệp, tái cơ cấu cổ đông.

2007

Chúng nhận cúp vàng ISO 9001, thể hiện sự lớn mạnh và phát triển của công ty cùng uy tín ngày càng gia tăng

2008

Góp công lớn giúp tổng công ty lắp đặt máy Việt Nam đạt giải thưởng vàng duy nhất của Asian Power Award với lĩnh vực là “Dự án nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất” cho dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 2, công suất 750MW, trị giá 700 triệu USD.

2012

Với yêu cầu thực tiễn đặt ra, năm qua Công ty đã tiến hành xây dựng phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, tinh gọn bộ máy, định hướng lại ngành nghề hoạt động, phương thức tổ chức sản xuất mới, rà soát quy trình hoạt động, cơ cấu nhân sự, tăng hiệu quả quản trị công ty.... Đề án đặt ra lộ trình thực hiện hướng đến năm 2020.

2014



7 Giấy khen Huy chương vàng Chất lượng cao ngành xây dựng Việt Nam

Đạt danh hiệu Anh hùng Lao động (cá nhân)

7 Huân chương Lao động Nhất-Nhì-Ba cho cá nhân và tập thể Lilama 45.4



**NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ
ĐẠT ĐƯỢC**



Chứng nhận ISO 9001:2008

Đạt cúp vàng ISO 2007



**Huân chương Lao
động hạng Nhất**

**Huân chương Độc
lập hạng Ba**

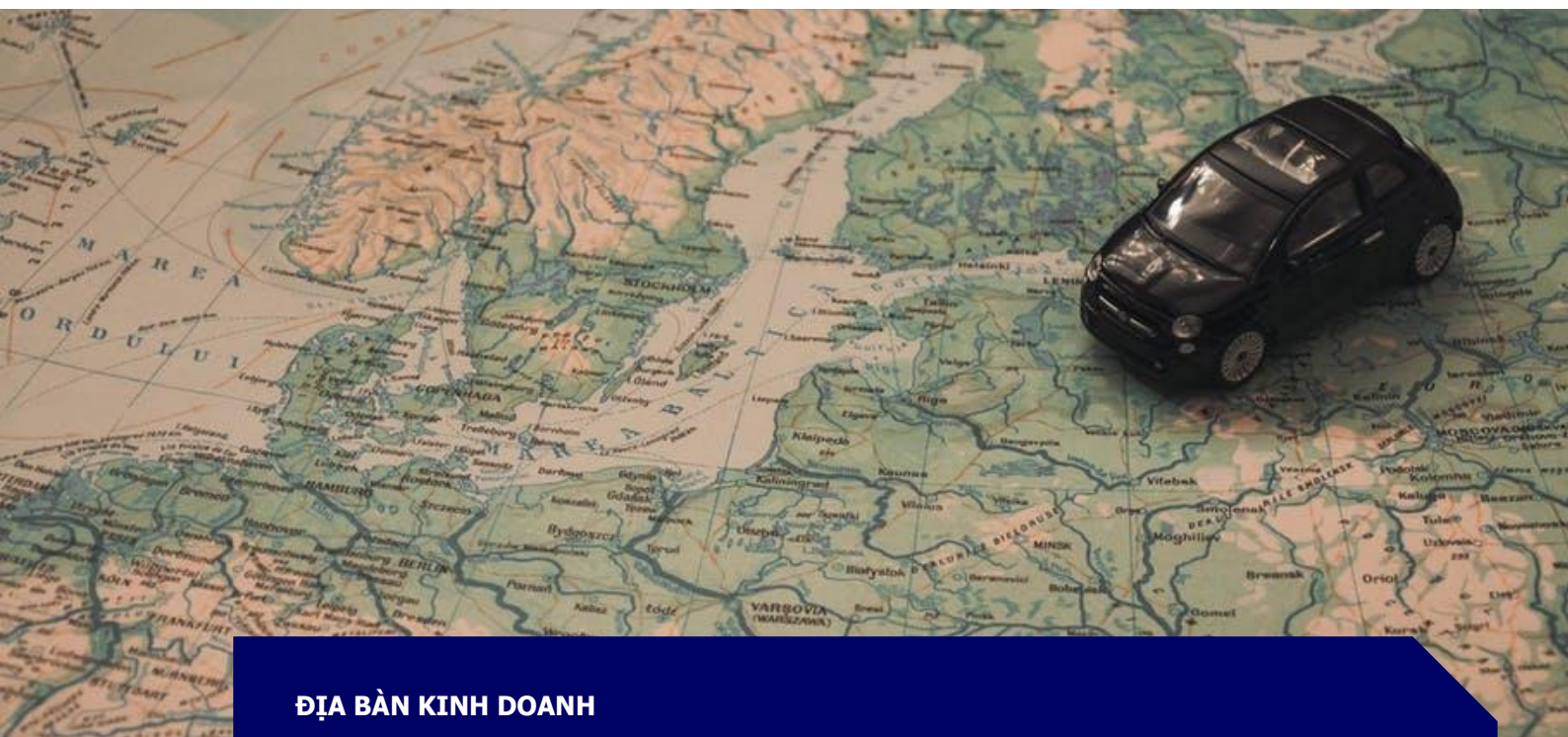
Chứng nhận ISO 9001:2000

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ✓ Khảo sát thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng (đặc biệt là chế tạo các thiết bị thủy công, lắp đặt các nhà máy thủy điện lớn, vừa và nhỏ)
- ✓ Tư vấn, thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất, vật liệu xây dựng, giấy, chế biến lương thực và thực phẩm.
- ✓ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở.
- ✓ Xuất nhập khẩu, hóa chất, vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây chuyền, công nghệ.



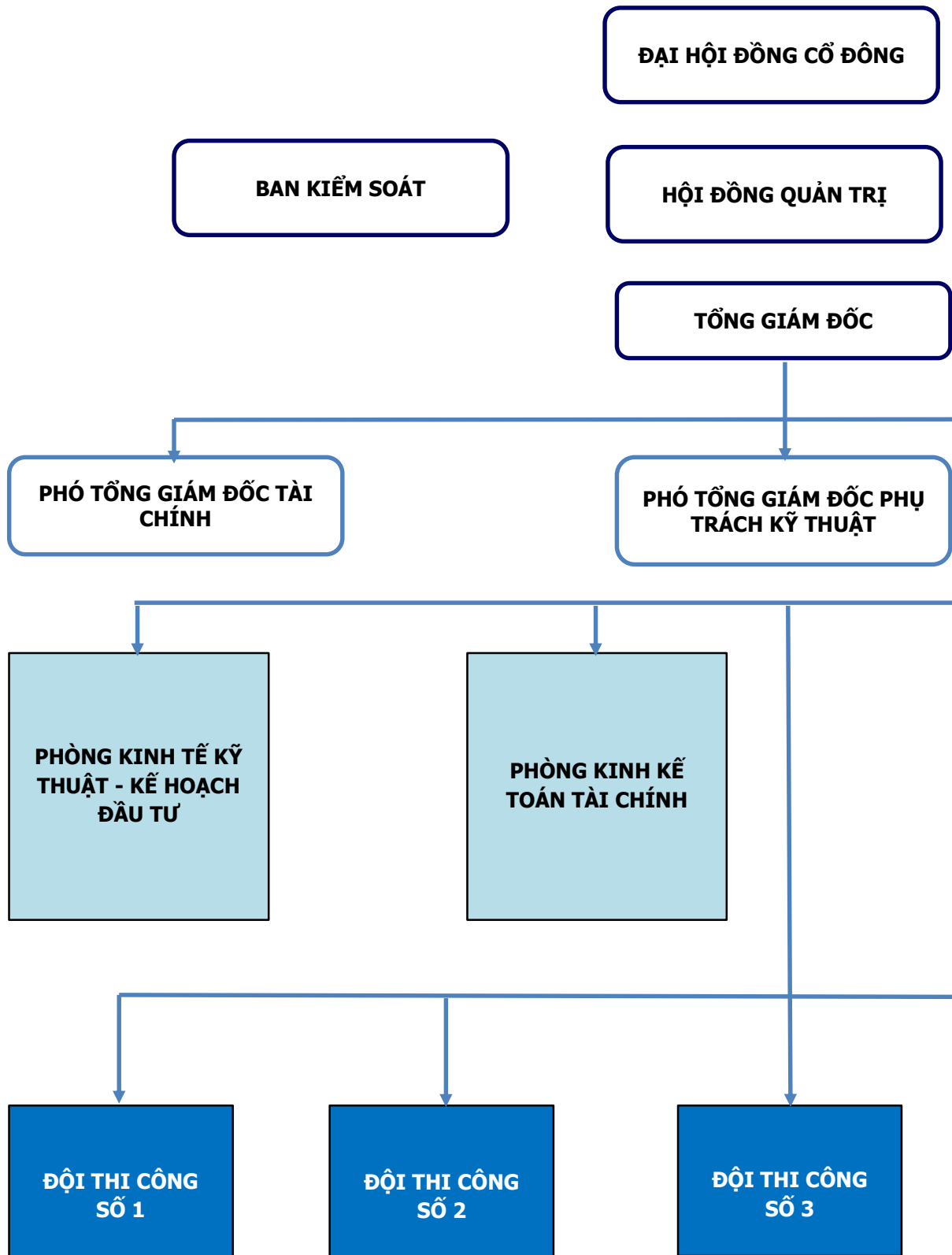
- ✓ Chế tạo và lắp đặt các hệ thống đường ống hạ áp, trung áp và cao áp (dẫn nước, dẫn dầu, dẫn khí cho các công trình công nghiệp và dân dụng)
- ✓ Xây lắp: Các công trình công nghiệp, các dây chuyền công nghệ máy móc, các đường dây tải điện cao thế, trung thế, hạ thế, các trạm biến áp ...
- ✓ Sản xuất và kinh doanh các loại vật tư kim khí, sắt thép, điện máy, hóa chất, vật liệu điện, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, phế liệu xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp, vật liệu xây dựng, đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa...



ĐỊA BÀN KINH DOANH

- ✓ Trụ sở chính của Công ty nằm tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- ✓ Địa bàn kinh doanh: Do đặc thù của công ty là kinh doanh xây lắp, gia công chế tạo thiết bị, kết cấu thép các công trình công nghiệp và dân dụng, nên công ty có địa bàn hoạt động thay đổi tùy theo từng dự án cả trong nước và ngoài nước. Nhưng địa bàn kinh doanh chính của Công ty là trong lãnh thổ nước Việt Nam.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



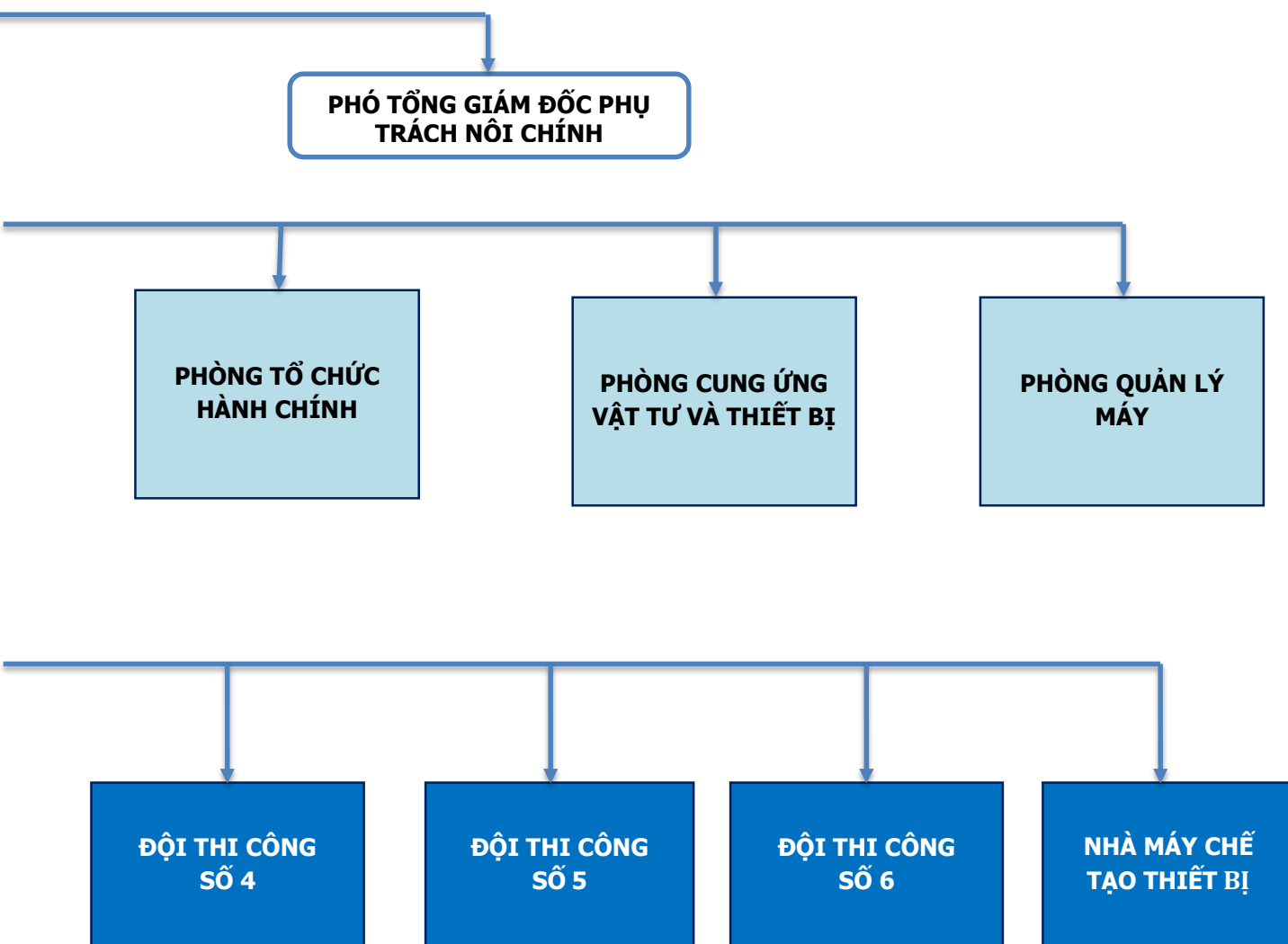
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của L44 được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị Công ty
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban Giám đốc

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty không có công ty con, công ty liên kết



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển

- Đối với thị trường: Cung cấp các dịch vụ xây lắp, sản phẩm cơ khí chế tạo, dịch vụ đại tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình công nghiệp đạt chất lượng và giá cả cạnh tranh.

- Đối với cổ đông và đối tác: Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển; cam kết đồng hành cùng các đối tác trên con đường phát triển; đối với cổ đông Công ty phấn đấu đem lại mức cổ tức tăng trưởng qua từng năm; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.

- Đối với CBCNV: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và văn hóa; tạo điều kiện nâng cao thu nhập và cơ hội phát triển công bằng cho tất cả cán bộ công nhân viên.





- Đối với xã hội: Kết hợp hài hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội; đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần trách nhiệm công dân.



- Đối với môi trường: Tiết kiệm năng lượng tối đa, hạn chế tối thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUNG VÀ DÀI HẠN

Với quy mô của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, Lilama 45.4 sẽ lấy hoạt động xây lắp, chế tạo là lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng tâm và tập trung củng cố, phát triển các nguồn lực sẵn có nhằm khai thác thị trường hiện có cũng như thâm nhập các phân khúc thị trường mới đối với mảng chế tạo, bảo trì bảo dưỡng cho các khu công nghiệp, các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong khu công nghiệp...

Bên cạnh việc tập trung nguồn lực (con người và cơ sở vật chất) để củng cố vị thế và thương hiệu trong lĩnh vực hoạt động truyền thống hiện nay như lắp đặt các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện gió...; Lilama 45.4 cũng đang hướng đến tận dụng nguồn lực sẵn có để khai thác thêm mảng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa cho các nhà máy, dây chuyền sản xuất trong các khu công nghiệp các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Theo đó, việc trọng tâm hóa thị trường sẽ ít nhiều giúp Công ty khắc phục được hạn chế về vốn, cơ sở vật chất cũng như con người nhờ vào việc tận dụng nguồn lực của Công ty cũng như tranh thủ uy tín với các đối tác hiện tại trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, phong điện,...





Định hướng mục tiêu này hứa hẹn sẽ giúp Công ty đạt được vị thế vững chắc trong ngành nghề truyền thống của mình cũng như tận dụng nguồn lực, khai thác tối đa tiềm năng thị trường để hướng tới vị trí các doanh nghiệp xây lắp uy tín trong và ngoài nước.

RỦI RO CỦA CÔNG TY

RỦI RO CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ

Hoạt động của CTCP Lilama 45.4 chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái ... Khi kinh tế phát triển thì nhu cầu xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp cũng như các công trình xây dựng khác sẽ gia tăng, điều này tạo ra nhiều cơ hội giúp cho L44 thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động của mình và ngược lại.

Tình hình kinh tế thế giới vẫn đang trong quá trình phục hồi. Năm 2017 vừa qua, kinh tế thế giới đã diễn biến tích cực hơn. Kinh tế Việt Nam từ đó cũng khởi sắc hơn nhờ các yếu tố: kinh tế thế giới khả quan, những cải thiện về môi trường đầu tư, những cải thiện mạnh mẽ về cơ chế chính sách của Chính phủ ... giúp triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng, trong đó lĩnh vực công nghiệp – xây dựng được cho là có sự phát triển tích cực, rõ nét nhất. Tốc độ tăng trưởng GDP tăng khá cao, tăng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng vượt mọi dự đoán trước đó của các tổ chức lớn như World Bank hay ABD đưa ra. Mặt bằng lãi suất được duy trì tương đối ổn định từ năm 2015 đến nay. Năm 2017 vừa qua, tình hình giá cả và tỷ giá tương đối ổn định, lạm phát cũng được kiểm chế và kiểm soát theo mục tiêu. Tỷ giá tương đối ổn định sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong chi phí đầu vào không bị biến động nhiều, từ đó sẽ không làm thay đổi quá lớn đối với giá vốn hàng bán và lợi nhuận Công ty.





GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Công ty luôn có sự theo dõi đối với những chuyển biến của nền kinh tế để có thể xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế chung vừa chuẩn bị phương án xử lý hiệu quả trong trường hợp rủi ro có thể xảy ra. Ngoài ra, Công ty vẫn cố gắng duy trì mối quan hệ lâu dài, tin cậy với các chủ thầu, đối tác truyền thống, không ngừng tìm kiếm các bản hợp đồng mới nhằm ổn định và không ngừng đa dạng hóa doanh thu của mình.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Mọi quy định pháp luật về kinh doanh đều tác động trực tiếp đến kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Một môi trường pháp lý lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiến hành các hoạt động kinh doanh và vừa điều chỉnh các hoạt động kinh tế của mình có hiệu quả. Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, L44 chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật nền tảng như Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Luật kiểm toán, Bộ Luật lao động, Luật Thuế... Những văn bản này không ổn định và luôn thay đổi nhằm tạo một hành lang pháp lý phù hợp với sự hội nhập ngày một mạnh mẽ hơn. Điều này có thể gây nên những khó khăn cho Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Giải pháp:

L44 luôn quan tâm đến các quy định pháp luật chi phối đến hoạt động của mình, từ đó có sự nghiên cứu, tìm hiểu kỹ lưỡng trước khi triển khai áp dụng đối với các bộ phận nghiệp vụ có liên quan



RỦI RO CẠNH TRANH

Việc hội nhập với nền kinh tế Thế giới mang lại nhiều cơ hội cho doanh nghiệp về thị trường tiêu thụ, đối tác, nguồn cung cấp nguyên liệu, nâng cao năng lực cạnh tranh ... Tuy nhiên, việc này cũng đem đến không ít thách thức cho công ty, khi không những phải cạnh tranh khốc liệt với doanh nghiệp trong nước mà còn phải chịu sự cạnh tranh từ các Nhà thầu nước ngoài với năng lực tài chính mạnh và nền kỹ thuật cao

Giải pháp:

L44 luôn ý thức được sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước nên công ty luôn đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, giữ vững uy tín trong mọi hoạt động, thực hiện đúng các cam kết nhằm tạo dựng và duy trì niềm tin với khách hàng cũng như đối tác. Bên cạnh đó, chính sách nâng cao năng lực quản trị, năng lực thi công sản xuất và luôn có kế hoạch đào tạo nhân sự của công ty nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Ngoài ra, L44 cũng luôn mở rộng và duy trì mối quan hệ tốt với các đối tác; không ngừng tìm kiếm và khai thác khách hàng tiềm năng.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Do hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và chế tạo thiết bị vì vậy công ty chịu ảnh hưởng nhiều bởi sự thay đổi giá cả các chi phí đầu vào. Rủi ro nhiều nhất ở lĩnh vực chế tạo, giá nguyên vật liệu không ổn định (giá sắt thép, xăng dầu) gây khó khăn cho ngành xây dựng. Bên cạnh nguồn nguyên vật liệu trong nước, công ty còn sử dụng một số nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu và thực hiện các dịch vụ xây lắp chế tạo cho các đối tác nước ngoài... vì thế biến động tỷ giá cũng ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào hay dòng tiền của công ty làm thay đổi giá vốn hàng bán và lợi nhuận.

Giải pháp:

Doanh nghiệp cần chủ động phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua việc mua ngoại tệ theo hợp đồng giao sau (future contract). Với việc mua giá ngoại tệ trong tương lai, có thể doanh nghiệp phải chịu giá cao hơn giá hiện tại, nhưng lại đảm bảo được sự ổn định của tỷ giá dựa trên kế hoạch tài chính của mình. Dù tỷ giá trong những tháng cuối năm có tăng vọt thì công ty vẫn chỉ phải trả với mức giá đã mua trước đó.



RỦI RO CỦA CÔNG TY

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Vì hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp nặng nên Công ty không tránh khỏi sẽ có những tác động nhất định đến môi trường. Các yếu tố tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công...

Giải pháp:

L44 luôn tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến đồng thời chủ động thay đổi những công đoạn không phù hợp trong quá trình sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động đến môi trường.





RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác như các hiện tượng thiên tai (động đất, lũ lụt), chiến tranh, dịch bệnh hiểm nghèo.... là những rủi ro bất khả kháng và ít có khả năng xảy ra. Nhưng khi xảy ra thì những rủi ro này sẽ tác động trực tiếp đến các công trình thi công, xây lắp máy của công ty, làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại về tài sản cho công ty.

Giải pháp:

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Do đó, Công ty luôn nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy,... cũng như lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch thi công hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa những rủi ro này đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được thực hiện đúng như kế hoạch. Ngoài ra, để giảm thiểu tác động của những rủi ro này ở mức thấp nhất, Công ty đã tổ chức các lớp an toàn lao động, sơ cấp cứu, nâng cao kỹ năng ứng phó với các tình huống rủi ro cho CBCNV, đặc biệt là lực lượng thi công công trình.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ✓ Ban Điều Hành Công Ty
- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban Kiểm soát
- ✓ Những thay đổi trong Ban Điều hành
- ✓ Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng quản trị như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Nguyễn Bá Sứng	Chủ tịch HĐQT	
Hoàng Văn Hà	Thành viên	Kiểm Phó Tổng giám đốc
Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	Kiểm Kế toán trưởng
Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	
Vũ Thế Phương	Thành viên	

Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Bá Sứng – Chủ tịch HĐQT

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	18/08/1967
Nguyên quán:	Thôn Vĩnh Trung, Khai Thái. Phú Xuyên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT
SLCP sở hữu	99.300 CP – 2,483%

Quá trình công tác:

1992 - 1993	Kỹ thuật viên - Công ty kỹ nghệ thực phẩm Việt Nam – NM chế biến thực phẩm Bình Triệu, Tp.HCM
1993 - 1995	Kỹ thuật viên - Công ty Giấy Hiệp Hưng – TP.HCM
1995 - 1996	Kỹ thuật viên – Công ty Cơ khí Biên Hòa – Đồng nai
1996 - 2005	Kỹ thuật, Đội trưởng thi công – Công ty Lắp máy và xây dựng 45.1
2005 - 2011	Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.1
2012 - 2015	Phó giám đốc – Công ty CP Lilama 45.1
T1/2015 – T8/2017	Tổng Giám đốc – Công ty CP Lilama 45.4
T6/2017 – Đến nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Lilama 45.4

Ông Hoàng Văn Hà – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	17/09/1972
Nguyên quán:	Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
SLCP sở hữu	36.912 CP – 0,923%
<u>Quá trình công tác:</u>	
1999 - 2002	Trưởng chỉ huy của Lilama 45.4 tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002 - 2005	Giám đốc nhà máy chế tạo cơ khí Lilama 45.4
2005 - 2008	Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.
2008 - Đến nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4 kiêm Giám đốc Xí nghiệp lắp máy số 1 Công ty Lilama 45.4 tại dự án thủy điện sông Ba Hạ.

Bà Phan Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	08/04/1964
Nguyên quán:	Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
SLCP sở hữu	30.000 CP – 0,750% VDL
<u>Quá trình công tác:</u>	
1988 - 1992	Kế toán – XN Liên hợp lắp máy 45 – Trị An – Đồng Nai
1993 - T2/2002	Kế toán – Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4
T3/2002-T7/2016	Phó phòng kế toán – Công ty CP Lilama 45.4
T8/2016 – Đến nay	Kế toán trưởng

Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	09/05/1973
Nguyên quán:	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
SLCP sở hữu	0 CP – 0%

Quá trình công tác:

1996 – T5/2015	Làm việc tại Cty CP Lilama 45.1
T6/2015 – Đến nay	Trưởng phòng kỹ thuật – Cty CP Lilama 45.4
T6/2017 - Đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Vũ Thế Phương – Thành viên HĐQT

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	10/12/1982
Nguyên quán:	Nghệ An
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT
SLCP sở hữu	6.608 - 0.17%

Quá trình công tác:

2005 - 2009	Kỹ thuật thi công công trình thủy điện Sông Ba Hạ - Cty CP Lilama 45.4
2010 - 2011	Giám đốc XN số 1 thi công CT thủy điện A Lưới - Cty CP Lilama 45.4
2012 – Đến nay	Đội trưởng thi công các công trình – Cty CP Lilama 45.4
T6/2017 - Đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị



BAN ĐIỀU HÀNH

Cơ cấu Ban điều hành như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Cao Viên	Tổng giám đốc
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng giám đốc
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch của Ban điều hành

Sơ yếu lý lịch của ông Nguyễn Bá Sướng, ông Hoàng Văn Hà và bà Phan Thị Thanh Thủy xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

Ông Phan Cao Viên – Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc

Giới tính:	Nam
Năm sinh:	01/09/1970
Nguyên quán:	Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Cơ khí
Chức vụ hiện nay:	Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
SLCP sở hữu	0 CP – 0%
<u>Quá trình công tác:</u>	
1996 - 2008	Cán bộ kỹ thuật Công ty CP Lilama 45.3
2008 - 2009	Phó giám đốc Công ty CP Lilama 45.3
2009 - T3/2015	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.1
T4/2015 – T8/2017	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Lilama 45.4
T8/2017 – Đến nay	Tổng Giám đốc – Công ty CP Lilama 45.4

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu
Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	0 CP – 0%
Lê Minh Thiện	Kiểm soát viên	0 CP – 0%
Nguyễn Thị Thu	Kiểm soát viên	0 CP – 0%

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

- ✓ Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng – Bầu cử TV HĐQT tại ĐHCĐ 2017
- ✓ Ông Vũ Thế Phương – Bầu cử TV HĐQT tại ĐHCĐ 2017
- ✓ Ông Tạ Văn Hùng – Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc CTCP Lilama 45.4
- ✓ Ông Nguyễn Bá Sứng – Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4
- ✓ Ông Phan Cao Viên – Bổ nhiệm có thời hạn giữ chức vụ Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4
- ✓ Bà Nguyễn Thị Thu – Bầu cử Kiểm soát viên tại ĐHCĐ 2017
- ✓ Bà Trần Huyền Thương Thương – Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên CTCP Lilama 45.4



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ	144	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	36	25,00%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	93	64,58%
3	Khác	15	10,42%
II	Phân loại theo địa bàn công tác	144	100,00%
1	Cơ quan công ty	26	18,06%
2	Nhà máy cơ khí	33	22,92%
3	Thủy điện Sông Bung 2	12	8,33%
4	Thủy điện Thượng Kon Tum	29	20,14%
5	Nhà máy Đường Đắk Lắk	29	20,14%
6	Nhiệt điện Thái Bình 2 + LDNS	15	10,42%
III	Phân loại theo trình độ lao động	144	100,00%
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	42	29,17%
2	Trình độ bậc thợ	102	70,83%

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

STT	Năm	Thu nhập bình quân (đồng/ người /tháng)
1	2015	6.510.000
2	2016	6.737.000
4	2017	5.805.000



Nhân lực là yếu tố mấu chốt quyết định sự vận hành của một doanh nghiệp và Lilama 45.4 luôn nhận thức được tầm quan trọng của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong suốt quá trình hoạt động của mình. Đặc biệt, trong giai đoạn kinh tế hội nhập hiện nay cùng với sự cạnh tranh đến từ nhiều phía, vấn đề nhân lực cần được lưu tâm nhiều hơn để duy trì lợi thế cạnh tranh và phát triển thương hiệu. Hiểu được điều này, Ban quản trị Lilama 45.4 luôn chú trọng đầu tư thời gian, sức lực, và các nguồn lực khác để xây dựng một đội ngũ nhân sự nhiệt tình, tận tâm, làm việc hiệu quả.

MỘT SỐ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ✓ Cố gắng đảm bảo CBCNV nhận được đầy đủ quyền lợi lao động theo quy định về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.
- ✓ Hiện nay công ty đã xây dựng chế độ đãi ngộ mới, gắn liền hiệu quả công việc với thành quả lao động, thúc đẩy người lao động phát huy khả năng tối đa. Thể hiện qua việc công ty thưởng và đề xuất bổ nhiệm vị trí mới cho các cá nhân đạt thành tích xuất sắc.
- ✓ Đào tạo tay nghề, kiến thức cho người lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.
- ✓ Tập huấn an toàn lao động cho hầu hết CBCNV, đặc biệt là đơn vị thi công công trình, dự án.
- ✓ Tất cả CB-CNV làm việc cho công ty đều được ký hợp đồng lao động nhằm đảm bảo quyền lợi cho từng người.
- ✓ Cán bộ quản lý và ban Tổng Giám đốc công ty luôn quan tâm kịp thời đến các trường hợp khó khăn đặc biệt, tạo điều kiện cho CB-CNV yên tâm công tác. Khuyến khích con em CB-CNV đạt kết quả cao trong học tập bằng những phần thưởng vào các dịp đặc biệt.

Công ty sẽ quan tâm hơn nữa trong việc tổ chức các hội thao, văn hóa văn nghệ phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của tập thể CB-CNV.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- ✓ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✓ Tình hình hoạt động đầu tư
- ✓ Tình hình tài chính
- ✓ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ✓ Báo cáo tác động môi trường và xã hội của công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/ KH 2017	Tỷ lệ TH 2017/2016
Doanh thu	152.650.128.907	170.000.000.000	60.841.876.561	35,79%	39,86%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	-26.370.726.918	500.000.000	-113.314.983.646	-	-
Vốn điều lệ	40.000.000.000	40.000.000.00	40.000.000.000	100%	100%
Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	-	1,25%	-	-	-
Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu	-	0,29%	-	-	-
Nộp NSNN	12.360.622.881	7.000.000.000	6.790.350.508	97,01%	54,94%
Thu nhập bình quân người/tháng	6.737.000	6.700.000	5.805.000	86,64%	86,17%
Dự kiến chia cổ tức	0%	0%	0%	-	-
Đầu tư XDCB	-	1.000.000.000	-	-	-



Nhân sự biến động, tình hình tài chính mất cân đối, máy móc thiết bị phục vụ không hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính là những đặc điểm nổi bật tại trong nhiều khó khăn năm vừa qua tại của Công ty. Với những khó khăn đó, Công ty chưa thể hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Mặc dù doanh thu có tăng hơn so với năm trước nhưng do sự tăng lên với lượng lớn của giá vốn hàng bán dẫn đến lợi nhuận của Công ty bị âm trong kỳ. Vì thế, hiện nay Công ty vẫn chưa thể chi trả cổ tức cho các cổ đông vì thế giá trị các khoản mục này đều được ghi nhận bằng không. Tuy nhiên trong năm qua, L44 cũng đã có nhiều cố gắng trong việc tiết giảm chi phí tối đa, bên cạnh đó thực hiện thanh lý và bán những tài sản sử dụng kém hoặc không có hiệu quả nhằm giảm số dư nợ vay Ngân hàng và khắc phục tình trạng khó khăn, giảm thiểu số lỗ tiềm ẩn.

Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2013-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng việc triển khai công tác tái cấu trúc Công ty còn chậm. Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm. Tài chính của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn phục vụ sản xuất, ảnh hưởng đến doanh thu thực hiện của một số công trình không đạt như dự kiến đề ra. Một số công trình đã thực hiện xong đang tiến hành quyết toán, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/ Nhà thầu chính như Thủy điện Vĩnh Hà, Nhà máy nước Thủ Đức, Lọc dầu Nghi Sơn ... Một số công trình tiến độ thi công kéo dài, công tác nghiệm thu chậm (Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Thủy điện Sông Bung 2 ...)



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN



Trong năm 2017, công ty vẫn tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc: Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Thủy điện An Khê; Ka Nak; Thủy điện A Roàng, Nhiệt điện Vũng Áng, Trạm biến áp Phú Mỹ 2, Điện gió Bạc Liêu, NM nước Thủ Đức... ; tập trung nguồn lực thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017; tăng cường nguồn lực tiếp thị đấu thầu các công trình mới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

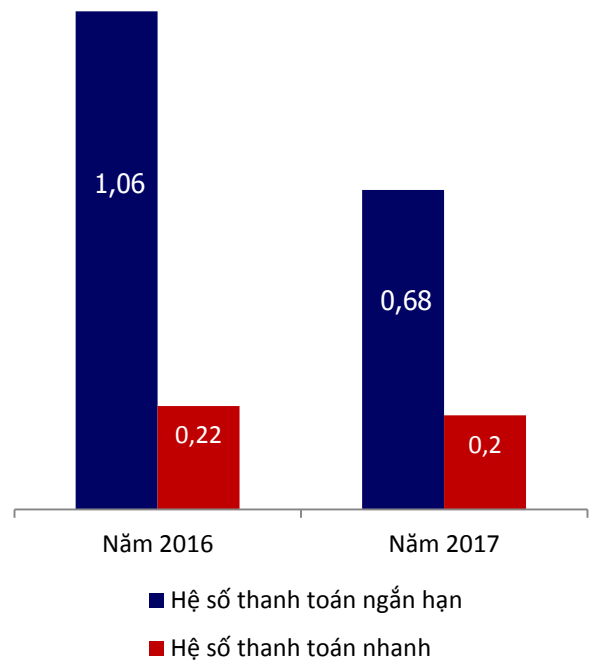
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,06	0,68
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,22	0,20
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	90,13%	140,86%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	912,99%	-344,73%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,64	0,81
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,44	0,23
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-17,28%	-186,25%
	Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-57,95%	465,57%
	Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	-7,59%	-43,12%
	Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-22,47%	-184,59%



KHẢ NĂNG THANH TOÁN

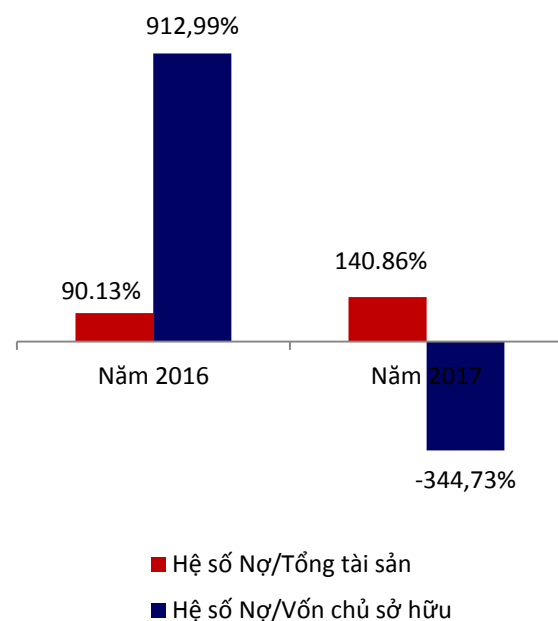
Cả hai hệ số thanh toán ngắn hạn lẫn thanh toán nhanh tại thời điểm cuối năm 2017 có sự sụt giảm so với năm 2016, lần lượt đạt 0,68 lần và 0,2 lần. Tài sản ngắn hạn trong năm có sự giảm sút 39,9% đạt mức 188,79 tỷ đồng. Nguyên nhân chính do các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và hàng tồn kho đều giảm.

Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn cũng đã giảm từ 295 tỷ đồng xuống còn 279 tỷ đồng, đây là một tín hiệu tốt cho thấy L44 đã giải quyết một số nợ nhất định cho nhà cung cấp. Nợ ngắn hạn trong năm không có sự thay đổi nhiều, tỷ lệ giảm của tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn chính là nguyên nhân chính làm khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của Công ty năm qua đều có sự điều chỉnh giảm.



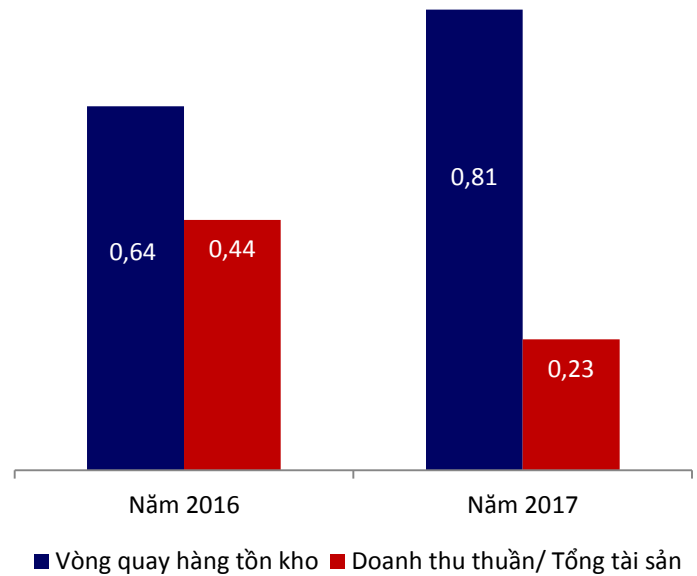
CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Năm qua, tổng nợ của công ty đã giảm 5,37% đạt mức 279 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tổng tài sản trong năm cũng đã có sự sụt giảm 39,45%, tuy nhiên sự sụt giảm mạnh mẽ của tổng tài sản nhiều hơn so với tổng nợ, điều này là nguyên nhân dẫn đến việc cơ cấu nợ trên tổng tài sản tăng từ 90,13% lên 140,86%. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu năm 2017 cũng giảm đáng kể so với năm trước đến 350,62% và thể hiện là một số âm, với sự giảm nhiều của vốn chủ sở hữu đã làm cơ cấu nợ trên vốn chủ sở hữu giảm đáng kể.



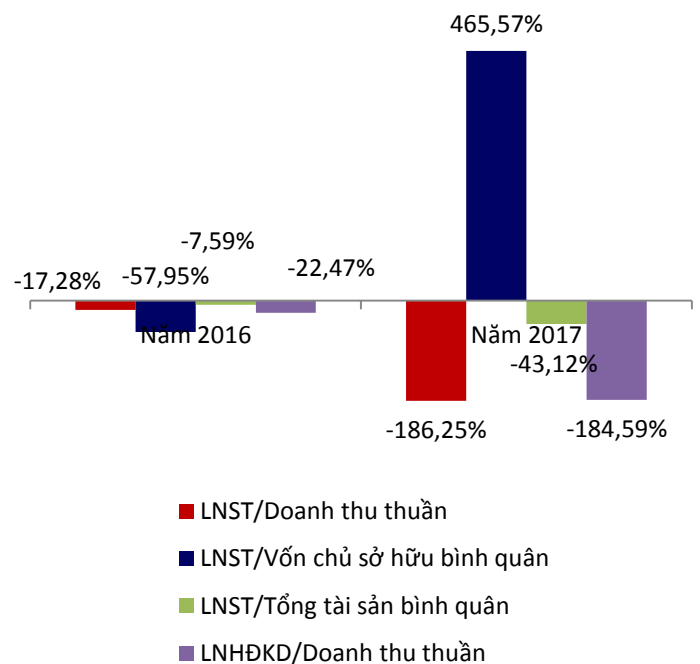
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 0,64 vòng năm 2016 lên 0,81 vòng năm 2017. Điều này là một tín hiệu tích cực cho thấy khả năng quản trị hàng tồn kho của Công ty đã hiệu quả hơn. Tuy nhiên, hệ số vòng quay tổng tài sản lại giảm so với năm 2016, đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh chưa được hiệu quả.



KHẢ NĂNG SINH LỜI

Hầu hết các chỉ số về khả năng sinh lợi của công ty đều giảm. Nguyên nhân của sự ghi nhận giảm của các hệ số tài chính này chủ yếu là do nguồn lợi nhuận sau thuế và nguồn lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua đều có sự sụt giảm đáng kể.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 4.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.980.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 20.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nhà nước	1	1.402.346	35,06%
2	Cổ đông trong nước			
	Tổ chức	6	23.164	0,58%
	Cá nhân	405	2.557.890	63,95%
3	Cổ đông nước ngoài			
	Tổ chức	0	0	0,00%
	Cá nhân	2	16600	0,42%
	Tổng cộng	414	4.000.000	100%



Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP	1.402.346	35,06%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**
- ✓ **Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**



Công ty cổ phần Lilama 45.4

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH 2017/2016 (%)	TH/KH 2017 (%)
Giá trị sản lượng	205.000.000.000	175.000.000.000	62.500.000.000	30,49%	35,71%
Doanh thu	152.650.128.907	170.000.000.000	60.841.876.561	39.86%	35.79%
Lợi nhuận trước thuế	(26.370.726.918)	500.000.000	(113.314.983.646)	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(26.370.726.918)	-	(113.314.983.646)	-	-
EPS (Đồng/Cổ phiếu)	(6.626)	-	(28.471)	-	-

Mặc dù Ban Tổng Giám đốc và toàn thể nhân viên đã nỗ lực rất nhiều để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng tình hình vẫn còn những khó khăn nhất định, điều này làm kết quả vẫn chưa đạt được như kỳ vọng cũng như doanh thu chưa đảm bảo như kế hoạch đã đề ra. Một số khó khăn cụ thể hiện nay Công ty đang phải đối mặt:

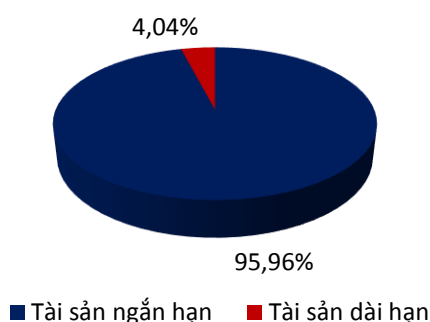
- ✓ Các dự án tập trung công tác hoàn thiện và quyết toán công trình, công việc mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào Chủ đầu tư/ Nhà thầu chính như Thủy điện Vĩnh Hà, Nhà máy nước Thủ Đức ...
- ✓ Một số công trình tiến độ thi công kéo dài, công tác nghiệm thu chậm (Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Thủy điện Sông Bung 2 ...)
- ✓ Lực lượng lao động hiện có của Công ty ít, đặc biệt là lao động có tay nghề cao, việc thanh toán tiền lương chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến tư tưởng người lao động nên năng suất lao động thấp.
- ✓ Lãi vay chiếm tỷ lệ cao khiến doanh nghiệp bị mất an toàn tài chính
- ✓ Các hợp đồng đã thực hiện và quyết toán xong thì thu hồi vốn chậm. Công ty gặp khó khăn tài chính, mất cân đối tài chính lớn gây trở ngại trong việc thu xếp nguồn vốn phục vụ sản xuất
- ✓ Việc lập kế hoạch SXKD năm 2017 chưa sát với quy mô và năng lực thực tế của Công ty

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

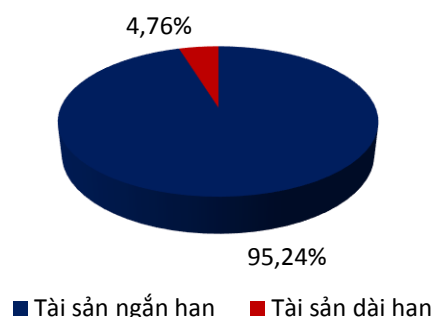
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	314.155.998.881	95,96%	188.792.557.386	95,24%	-39,91%
Tài sản dài hạn	13.229.293.504	4,04%	9.433.248.131	4,76%	-28,69%
TỔNG TÀI SẢN	327.385.292.385	100%	198.225.805.517	100%	-39,45%

Năm 2016



Năm 2017



Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản, chiếm 95,24% đạt mức 188,79 tỷ đồng năm 2017. Tài sản ngắn hạn giảm 39,91% chủ yếu là từ hàng tồn kho và tiền mặt giảm, các khoản phải thu khách hàng có sự giảm nhẹ. Cùng với đó, tài sản dài hạn năm qua không có sự đầu tư mới nên không tăng trưởng, dẫn đến tổng tài sản cũng giảm theo.



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	295.066.663.803	100%	279.222.160.581	100%	-5,37%
Nợ dài hạn	-	0%	-	0%	0%
Nợ phải trả	295.066.663.803	100%	279.222.160.581	100%	-5,37%
Vốn chủ sở hữu	32.318.628.582	100%	(80.996.355.064)	-	-

Cơ cấu nợ của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn, là các khoản vay ngắn hạn với Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM. Nợ ngắn hạn giảm nhẹ so với năm trước 5,37%. Vốn chủ sở hữu giảm là do sự giảm sút của nguồn lợi nhuận sau thuế.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý như đã đề ra.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So với năm 2017 (%)
1	Giá trị sản lượng	62.500.000.000	136.000.000.000	217,60%
2	Doanh thu	60.841.876.561	120.000.000.000	197,23%
3	Lợi nhuận trước thuế	(113.314.983.646)	500.000.000	-
4	Thu nhập bình quân người/tháng	5.805.000	6.700.000	115,42%
5	Đầu tư XDCB	-	-	-

Trong thời gian tới, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện tái cấu trúc. Công ty sẽ tìm cách tháo gỡ khó khăn, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- ✓ Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Thủy điện An Khê; Ka Nak; Thủy điện A Roàng; Nhiệt điện Vũng Áng, Trạm biến áp Phú Mỹ 2, Điện gió Bạc Liêu, Nhà máy nước Thủ Đức ...
- ✓ Tập trung nguồn lực thi công các công trình chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017
- ✓ Tăng cường nguồn lực tiếp thị đấu thầu các công trình mới
- ✓ Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập
- ✓ Hiện nay, việc tuyển dụng lao động có nghề là rất khó khăn nên có chính sách tuyển dụng lao động hợp lý để đủ nhân lực phục vụ SXKD

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì lĩnh vực truyền thống của Công ty đã có kinh nghiệm, năng lực nhân sự và máy móc. Ngoài các đối tác đã hợp tác lâu năm, Công ty sẽ mở rộng phạm vi tìm kiếm hợp tác với các đối tác mới, tạo thế chủ động cho đầu ra của Công ty.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm





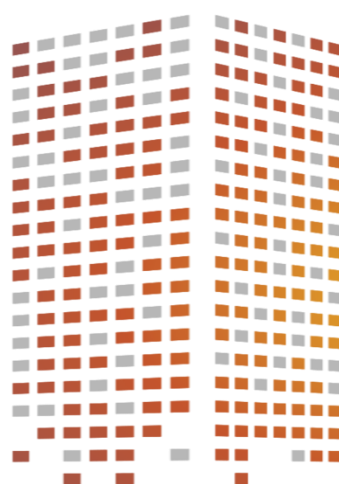
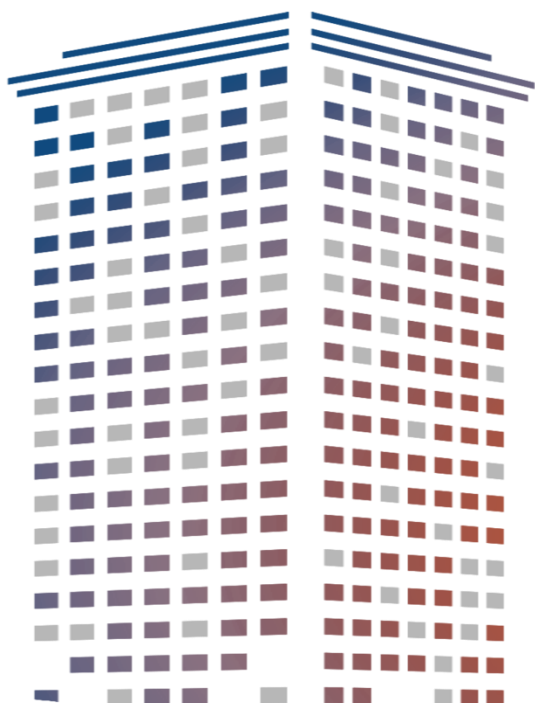
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hiện tại Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, các công trình Công ty đang thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán thu khối lượng hoàn thành mất nhiều thời gian vì tiến độ dự án kéo dài, thu hồi vốn chậm, nợ tồn đọng các khoản phải nộp Ngân sách (Thuế, bảo hiểm...) với số tiền lớn. Công ty đang cố gắng sắp xếp nguồn vốn và ưu tiên trả các khoản nợ Ngân sách. Do đó, về vấn đề thanh toán cổ tức, Công ty vẫn chưa thu xếp được nguồn tiền. Tình hình tài chính của Công ty ngày càng khó khăn, mất cân đối tài chính lớn, gặp nhiều khó khăn về vốn trong sản xuất kinh doanh. Năng lực quản lý, điều hành quản trị doanh nghiệp của Công ty còn yếu; các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sụt giảm, không hoàn thành các chỉ tiêu SXKD theo nghị quyết của Đại hội cổ đông.

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có rất nhiều cố gắng như tiết giảm chi phí tối đa, thanh lý và bán những tài sản sử dụng kém hoặc không có hiệu quả nhằm giảm số dư nợ vay Ngân hàng và khắc phục tình trạng khó khăn, giảm thiểu số lỗ tiềm ẩn. Bên cạnh đó, đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2013-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 cũng được đưa ra và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng việc triển khai công tác tái cấu trúc Công ty còn chậm.

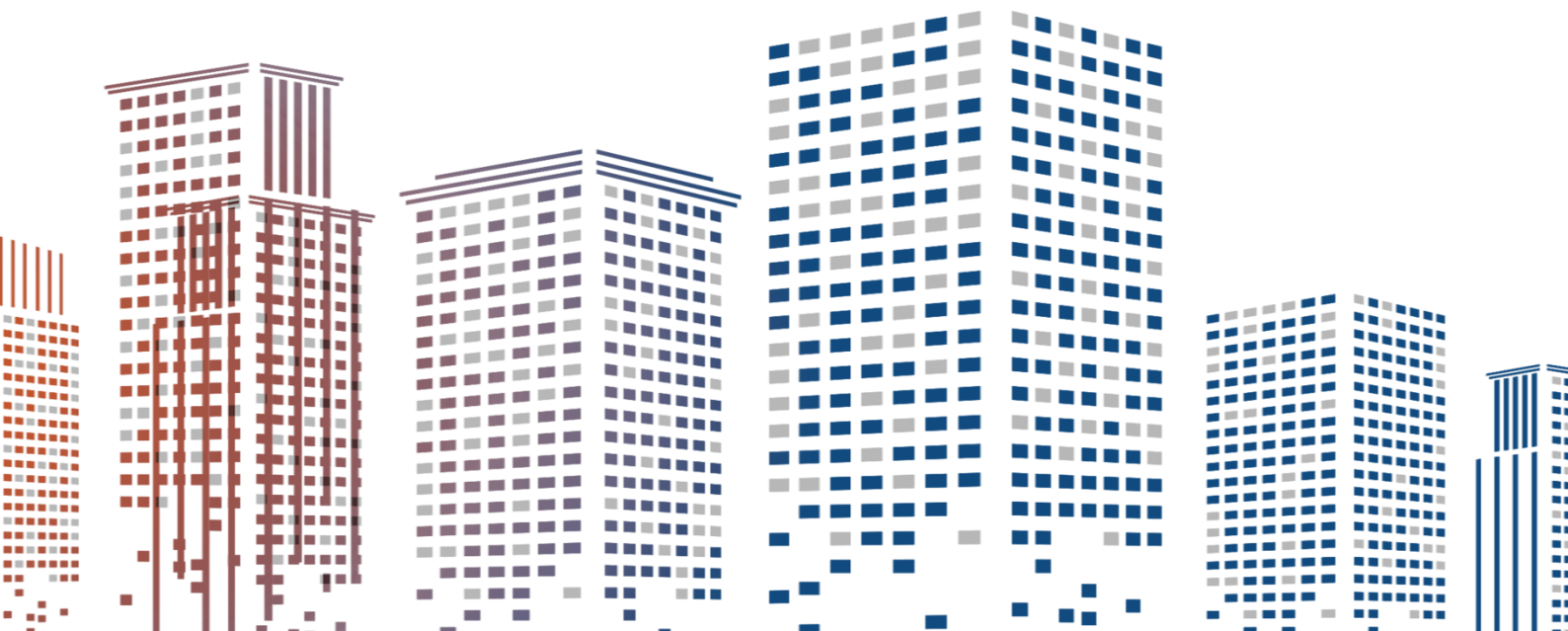


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 được thực hiện theo Điều lệ Công ty và các Quy định hiện hành. Năm qua, tính hình hoạt động của công ty gặp nhiều khó khăn, thu hồi vốn chậm do các nguyên nhân:

- Một số công trình tiến độ kéo dài, công tác nghiệm thu chậm (Thủy điện thác mớ mở rộng, Thủy điện Vĩnh Hà, Thủy điện Sông Bung 2...) ảnh hưởng đến doanh thu giảm so với kế hoạch đề ra.
- Thu hồi vốn những dự án đã thực hiện xong gặp nhiều khó khăn như: DA Điện gió Bạc Liêu, Bauxite Nhôm Lâm Đồng...
- Thời gian nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành kéo dài dẫn đến thu hồi vốn chậm, thiếu nguồn vốn phục vụ sản xuất.
- Nhân lực không ổn định, thiếu nhận lực phải thuê ngoài, chi phí nhân công tăng.
- Chi phí quản lý và lãi vay chiếm tỷ lệ cao.

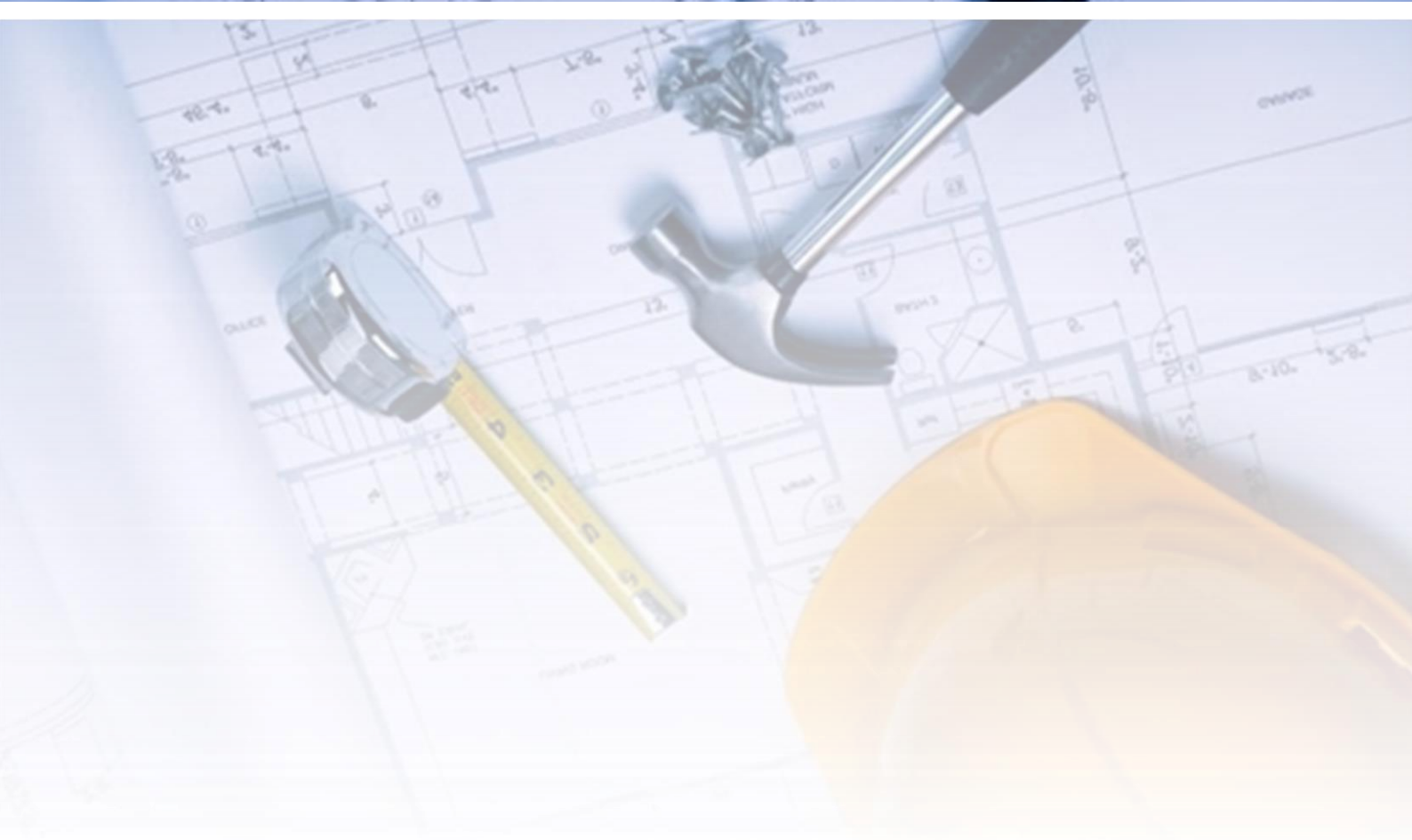
Hội đồng quản trị thấy rằng Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm các chỉ đạo và quy định do HĐQT và ĐHĐCĐ ban hành. Mặc dù không đạt được kế hoạch đề ra, nhưng vẫn có được những kết quả nhất định.



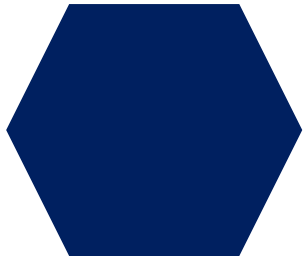
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong thời gian tới Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc như đề án đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Công ty, nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- ✓ Tập trung đẩy mạnh công tác thu hồi vốn đối với các hạng mục công trình đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi đủ vốn như: Điện gió Bạc Liêu, NM nước Thủ Đức...
- ✓ Thực hiện việc quyết toán kịp thời đối với những công trình đã hoàn thành với Chủ đầu tư và đề nghị phải quyết toán xong trong năm 2017.
- ✓ Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, cắt giảm tối đa những chi phí không cần thiết nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, từng bước tích lũy nguồn tài chính để bù đắp và khắc phục dần những tồn tại về tài chính của Công ty.
- ✓ Cân đối tài chính để thực hiện việc trả lương cho cán bộ CNV, nộp các khoản thuế và BHXH kịp thời. Việc thanh toán lương phải phù hợp với kết quả SXKD.
- ✓ Sắp xếp, cơ cấu lại lực lượng lao động cho phù hợp với tình hình SXKD của Công ty. Sử dụng lao động hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc để tăng năng suất lao động.
- ✓ Hiện nay việc tuyển dụng lao động có nghề là rất khó khăn nên có chính sách tuyển dụng lao động hợp lý để đủ nhân lực phục vụ SXKD.
- ✓ Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục duy trì lĩnh vực truyền thống của Công ty đã có kinh nghiệm, năng lực nhân sự và máy móc. Ngoài các đối tác đã hợp tác lâu năm, Công ty sẽ mở rộng phạm vi tìm kiếm hợp tác với các đối tác mới, tạo thế chủ động cho đầu ra của Công ty.
- ✓ Rà soát lại tình hình công nợ và đề ra các giải pháp và lộ trình để thu hồi các khoản nợ đọng, các khoản nợ khó đòi và các khoản tạm ứng nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty. Xây dựng các giải pháp kiểm soát số dư nợ vay, đảm bảo không được kéo dài tình trạng dư nợ vượt quá 3 lần vốn điều lệ.







BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Với hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, công ty khó có thể tránh được các tác động đối với môi trường xung quanh. Các tác động có thể kể đến là khí thải khói hàn, bụi kim loại, tiếng ồn trong quá trình vận hành máy móc để thi công... Tuy nhiên, Lilama 45.4 luôn ý thức, tuân thủ pháp luật và cam kết các chính sách bảo vệ môi trường qua việc đáp ứng tốt các yêu cầu về tiếng ồn, chất thải, khí thải, tiêu thụ năng lượng trong quá trình hoạt động của mình. Đồng thời, lựa chọn áp dụng công nghệ tiên tiến đồng thời chủ động thay đổi những công đoạn không phù hợp trong quá trình sản xuất để giảm thiểu đến mức thấp nhất tác động đến môi trường.



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG AN TOÀN CÔNG TRÌNH THI CÔNG

Với phương châm “an toàn là trên hết” các công trình xây lắp của L44 không chỉ đạt yêu cầu về tiến độ cũng như chất lượng mà còn đảm bảo yêu cầu về an toàn đối với khách hàng và người lao động.

Công tác thi công, nghiệm thu công trình luôn được giám sát một cách chặt chẽ. Công ty luôn đảm bảo được chất lượng của những công trình mà mình phụ trách và nhận được sự tín nhiệm của khách hàng trong những năm qua.

Các dụng cụ, mũ bảo hộ, và trang phục cho người lao động luôn đảm bảo chất lượng theo qui định nhằm giúp cho người lao động yên tâm làm việc mà không phải e ngại bất cứ rủi ro nào.

TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tạo công ăn việc làm

Với sự tăng trưởng trong nhiều năm qua, Công ty đã tạo rất nhiều công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho đội ngũ cán bộ công nhân viên. Lao động hiện nay của công ty hiện có 144 người với mức lương trung bình trong năm qua là 5.884.000 triệu đồng/người/tháng. L44 luôn đảm bảo được thu nhập ổn định và cuộc sống cho người lao động, qua đó góp phần mang lại sự ổn định cho xã hội. Bên cạnh đó, công ty luôn có chính sách lao động hợp lý nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Phát triển nguồn nhân lực

Tương lai, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu tạo này, chung tay cùng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước, cải thiện đời sống của người dân lao động.



TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Về phía cộng đồng, ban lãnh đạo luôn tâm niệm: “Uống nước nhớ nguồn, Lá lành đùm lá rách.” Công ty đã xây dựng và quyên góp Quỹ Tình thương thường niên để thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa như: ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn,... Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
- ✓ **Hoạt động của Ban kiểm soát**
- ✓ **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích**



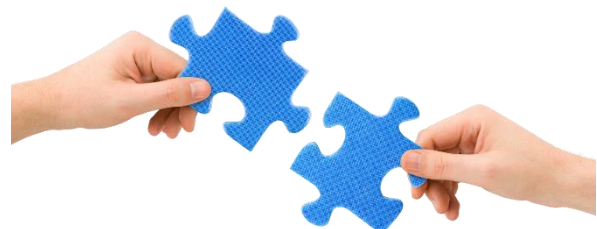
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Xét thấy với quy mô hoạt động hiện nay, Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ được phân công phụ trách các vấn đề nhân sự, lương thưởng, tài chính, sản xuất kinh doanh,... cụ thể theo tình hình thực tế của từng thời kỳ.

TÌNH HÌNH THAM DỰ CÁC PHIÊN HỌP CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Bá Sứng	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 23/04/2015 và nhận chức danh Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc từ ngày 24/06/2016	6/6	100%	
2	Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 16/04/2012	6/6	100%	
3	Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 24/06/2016	6/6	100%	
4	Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 28/06/2017	1/1	0%	
5	Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	TV HĐQT từ ngày 28/06/2017	1/1	0%	



Các nghị quyết, quyết định của HĐQT

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	11/02/2017	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư quý 4 và cả năm 20162. Thông qua dự kiến kế hoạch SXKD và đầu tư quý 1 và cả năm 2017 để trình chủ sở hữu và Đại hội cổ đông năm 20173. Thông qua phương án điều chỉnh cổ phần, nhân sự Người đại diện phần vốn và Thành viên HĐQT<ol style="list-style-type: none">3.1. Nhân sự Người đại diện phần vốn và điều chỉnh tỷ lệ3.2. Nhân sự Thành viên HĐQT tại CTCP Lilama 45.44. Thông qua việc sáp nhập phòng ban trực thuộc
2	02/NQ-HĐQT	24/03/2017	<p>Thông qua việc tạm thời thay đổi địa điểm làm việc để có kế hoạch sửa chữa Trụ sở Công ty.</p>
3	03/NQ-HĐQT	05/05/2017	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý 1/20172. Dự kiến kế hoạch SXKD và đầu tư quý 2/20173. Thông qua số liệu điều chỉnh hệ số thang bảng (Theo NĐ 153/NĐ-CP)4. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4 đối với ông Tạ Văn Hùng theo nguyện vọng cá nhân, kể từ ngày 05/05/20175. Thông qua kế hoạch chuẩn bị tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017
4	04/NQ-HĐQT	20/06/2017	<ol style="list-style-type: none">1. Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và Giao khoán chi phí thi công sửa đổi; Quy chế tạm thời về việc trả tiền lương hàng tháng cho Người lao động2. Thông qua kế hoạch xây dựng đơn giá tiền lương năm 2017
5	05/NQ-HĐQT	19/08/2017	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD Quý 2 và 6 tháng năm 20172. Dự kiến kế hoạch SXKD và đầu tư quý 3/20173. Thông qua số liệu Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2017 đã được soát xét4. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2017: 286 đồng/1.000 đồng doanh thu5. Thông qua phương án nhân sự quản lý, điều hành tại Công ty

STT	SốNQ/QĐ	Ngày	Nội dung
6	01/QĐ-HĐQT	12/02/2017	Nghỉ hưu đối với ông Hoàng Văn Dư, kể từ ngày 01/02/2017
7	02/QĐ-HĐQT	25/04/2017	Thành lập Chi nhánh Công ty
8	03/QĐ-HĐQT	03/05/2017	Bổ nhiệm có thời hạn ông Phan Cao Viên, Kỹ sư điện hiện đang giữ chức Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4 kiêm Giám đốc Công ty Lilama 45.4 – Chi nhánh Tây Nguyên, kể từ ngày 03/05/2017
9	04/QĐ-HĐQT	05/05/2017	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc CTCP Lilama 45.4 đối với ông Tạ Văn Hùng, kể từ ngày 05/05/2017
10	05/QĐ-HĐQT	05/05/2017	Điều chỉnh Hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương, Quy định tiêu chuẩn và điều kiện áp dụng với nhóm chức danh nghề của CTCP Lilama 45.4 (Theo Nghị định 153/NĐ-CP)
11	06/QĐ-HĐQT	12/06/2017	Thành lập tiểu ban nhân sự phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
12	07/QĐ-HĐQT	21/06/2017	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và Giáo khoán chi phí thi công sửa đổi (Theo tờ trình 14/KT-KT/TT-2017 ngày 01/06/2017 của Tổng Giám đốc Công ty)
13	08/QĐ-HĐQT	21/06/2017	Phê duyệt và ban hành Quy chế tạm thời về việc trả tiền lương hàng tháng cho Người lao động (Theo tờ trình 49/TGD ngày 07/06/2017 của Tổng Giám đốc Công ty)
14	09/QĐ-HĐQT	04/07/2017	Phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2017: 286 đồng/1.000 đồng doanh thu
15	10/QĐ-HĐQT	18/08/2017	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Bá Sứng, kể từ ngày 19/08/2017
16	11/QĐ-HĐQT	18/08/2017	Bổ nhiệm có thời hạn ông Phan Cao Viên, Kỹ sư cơ khí, Phó Tổng giám đốc Công ty giữ chức danh Tổng Giám đốc CTCP Lilama 45.4 thay cho ông Nguyễn Bá Sứng, kể từ ngày 19/08/2017

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng Ban kiểm soát	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 24/06/2016	3/3	100%	
2	Lê Minh Thiện	Thành viên	Thành viên từ ngày 24/06/2016	3/3	100%	
3	Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	Thành viên từ ngày 24/06/2016, Miễn nhiệm ngày 28/06/2017	1/2	100%	Nghỉ việc
4	Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Thành viên từ ngày 24/06/2017	1/1	0	

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành của Công ty theo quy định. Ban kiểm soát Công ty đã tham gia một số phiên họp của HĐQT, đóng góp ý kiến theo đúng chức năng và quyền hạn của ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện cho ban kiểm soát hoạt động. Tuy nhiên biến đổi về nhân sự của Ban kiểm soát (Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2017 thông qua ngày 28/06/2017) nên công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát vẫn còn một số hạn chế nhất định.

Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của cổ đông về các vấn đề liên quan đến việc điều hành hoạt động SXKD của Ban lãnh đạo Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

- ✓ Kiểm tra báo cáo tài chính theo định kỳ hàng quý và năm của Công ty
- ✓ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.
- ✓ Đánh giá tính tuân thủ các văn bản, Nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- ✓ Xem xét các vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông, hoặc của người lao động trong Công ty (nếu có).



GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
1	Hội đồng quản trị				
	Nguyễn Bá Sứng	Chủ tịch	-	62.400.000	-
	Hoàng Văn Hà	Thành viên	-	114.651.000	-
	Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	-	85.910.000	-
	Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	-	81.794.000	-
	Vũ Thế Phương	Thành viên	-	26.063.000	-
2	Ban kiểm soát				
	Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	-	85.889.000	-
	Lê Minh Thiện	Thành viên	-	71.727.000	-
	Nguyễn Thị Thu	Thành viên	-	61.612.000	-
3	Ban điều hành				
	Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	-	114.769.000	-
	Hoàng Văn Hà	P.Tổng Giám đốc	-	114.651.000	-
	Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	-	85.910.000	-

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Công ty không có giao dịch với cổ đông nội bộ.

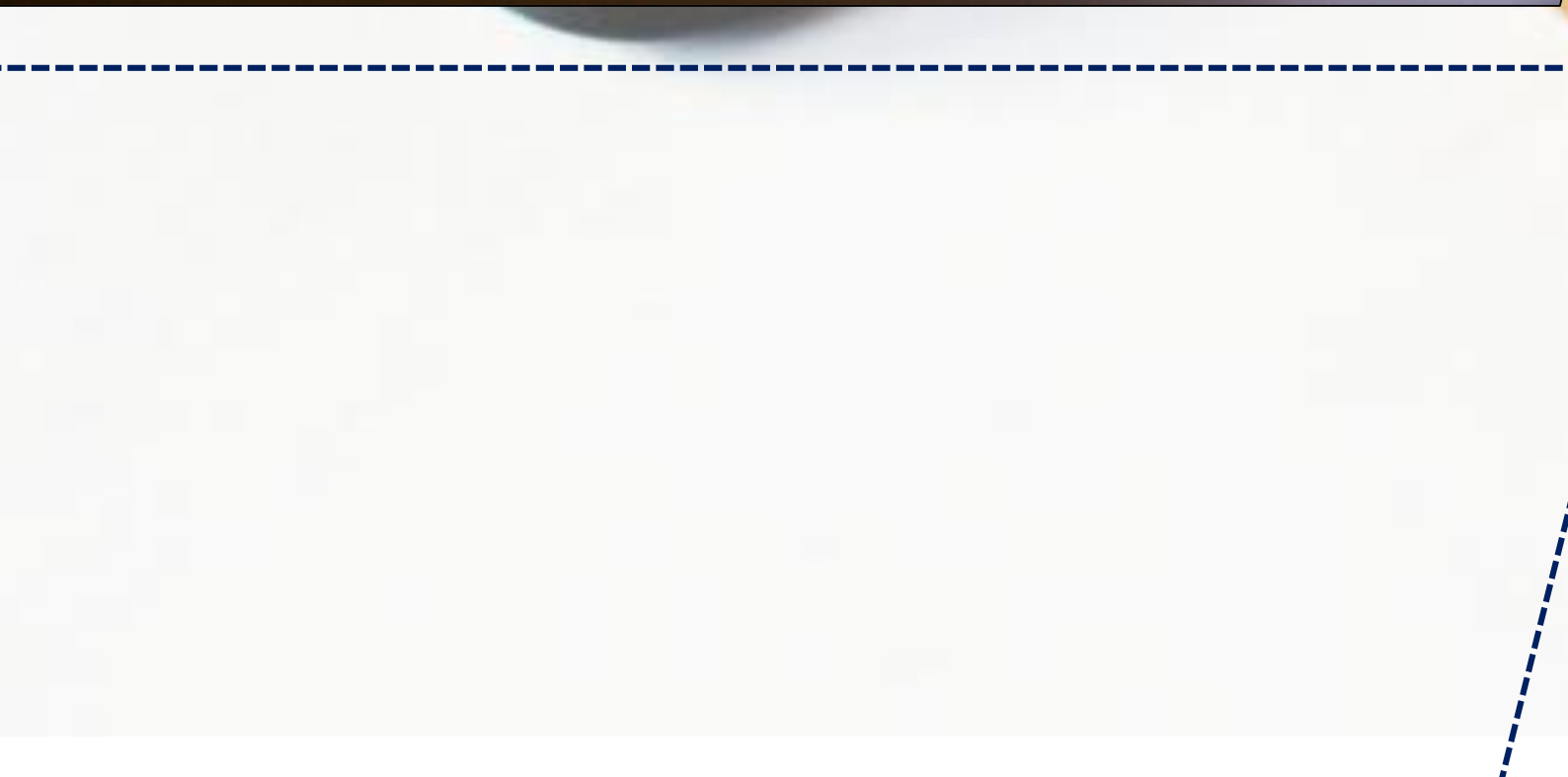
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty Cổ phần Lilama 45.4 luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ và văn bản pháp luật có liên quan.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/8/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/9/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là 40.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	1.402.346	14.023.460.000	35,06 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.597.654	25.976.540.000	64,94 %
Tổng cộng	4.000.000	40.000.000.000	100,00%

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty triển khai thực hiện nghị quyết HĐQT số 01/HĐQT ngày 29/01/2018 về kế hoạch sản xuất quý I năm 2018 và triển khai kế hoạch tái cấu trúc Công ty theo Tờ trình số 01/TTr- HĐQT ngày 28/6/2017 về việc thông qua phương án tái cấu trúc công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, và Biên bản thỏa thuận ngày 20/10/2017 với công ty mua bán nợ Việt nam (DATC)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm**

Ông Nguyễn Bá Sừng	Chủ tịch	
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Ông Hồ Phước Vĩnh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/6/2017
Ông Vũ Thế Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/6/2017
Ông Hoàng Văn Hà	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Dư	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/6/2017
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/6/2017

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phan Cao Viên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/08/2017
Ông Hoàng Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Sừng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/08/2017
Ông Phan Cao Viên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/08/2017
Bà Phan Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Nguyễn Văn Ngọc	Trưởng ban	
Ông Lê Minh Thiện	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/6/2017
Bà Trần Huyền Thương Thương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/6/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2017 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.4 phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Hội đồng quản trị
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Bá Sứng

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Phan Cao Viên

Số: 292 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Lilama 45.4 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/3/2018, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.4 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.1 phần thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 90,4 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 khoảng 138 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 âm khoảng 80,9 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể

thu xếp được các dòng tiền trong tương lai và thực hiện kế hoạch tái cơ cấu. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giá định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần.



NGÔ QUANG TIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0448-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2505-2017-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.792.557.386	314.155.998.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.360.902.727	3.114.472.341
1. Tiền	111	V.1	1.360.902.727	3.114.472.341
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.218.689.637	61.257.309.455
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.854.274.548	55.510.999.399
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.843.716.637	6.756.500.322
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	573.642.445	782.392.452
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(3.052.943.993)	(1.792.582.718)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	132.212.965.022	249.784.217.085
1. Hàng tồn kho	141		132.319.677.782	249.890.929.845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(106.712.760)	(106.712.760)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.433.248.131	13.229.293.504
II. Tài sản cố định	220		9.241.821.767	12.185.241.362
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6.260.321.767	9.203.741.362
- Nguyên giá	222		62.694.098.415	63.228.343.170
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.433.776.648)	(54.024.601.808)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.981.500.000	2.981.500.000
- Nguyên giá	228		2.981.500.000	2.981.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		191.426.364	1.044.052.142
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	191.426.364	1.044.052.142
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		198.225.805.517	327.385.292.385

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		279.222.160.581	295.066.663.803
I. Nợ ngắn hạn	310		279.222.160.581	295.066.663.803
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	46.783.509.088	54.483.683.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	13.953.949.597	21.696.330.926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	7.992.734.418	10.823.064.458
4. Phải trả người lao động	314		14.010.884.718	21.982.014.780
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	12.643.593.694	10.215.960.775
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		2.941.409.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	52.724.806.003	41.380.587.171
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	127.842.927.404	134.143.675.235
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		328.346.659	341.346.659
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(80.996.355.064)	32.318.628.582
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(80.996.355.064)	32.318.628.582
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.520.000.000	3.520.000.000
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(282.000.000)	(282.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.833.254.447	11.833.254.447
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.000.893.238	2.000.893.238
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(138.068.502.749)	(24.753.519.103)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(24.753.519.103)	1.617.207.815
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		198.225.805.517	327.385.292.385

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.841.876.561	152.650.128.907
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.841.876.561	152.650.128.907
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	155.077.105.871	162.222.722.272
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(94.235.229.310)	(9.572.593.365)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.858.041	1.836.309.761
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.550.410.218	12.806.116.062
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.550.410.218	12.647.362.401
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.567.425.180	13.761.503.893
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(112.305.206.667)	(34.303.903.559)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.113.004.114	13.242.418.642
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.122.781.093	5.309.242.001
13. Lợi nhuận khác	40		(1.009.776.979)	7.933.176.641
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(28.471)	(6.626)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(28.471)	(6.626)

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu



Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	62.111.493.446	169.312.672.438
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(25.724.038.874)	(102.012.488.985)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.192.362.000)	(46.494.704.196)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(919.688.678)	(8.520.836.770)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(145.012.492)	-
6. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	06	163.080.000	235.585.450
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.925.216.264)	(6.992.940.472)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.368.255.138	5.527.287.465
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	174.900.000	15.275.400.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.240.642	636.472.490
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	179.140.642	15.911.872.490
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	20.713.950.866	106.922.166.198
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.014.698.697)	(127.734.331.419)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.300.747.831)	(20.812.165.221)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.753.352.051)	626.994.734
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.114.472.341	2.487.477.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(217.563)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.360.902.727	3.114.472.341

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Lilama 45.4 là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.4. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3600255703 ngày 14/8/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/9/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Xã lộ Hà Nội, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà);
- Bán buôn vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy; Bán buôn thiết bị đơn lẻ, thiết bị đồng bộ, dây truyền công nghệ, thang máy, vật liệu điện, máy móc thiết bị phụ tùng cơ khí;
- Bảo trì thang máy, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa các loại dung dịch lỏng;
- Lắp đặt thang máy; Lắp đặt thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực, thiết bị lò hơi trung cao áp, bồn bể chứa dung dịch lỏng; Lắp đặt hệ thống đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Chế tạo đường ống hạ áp, trung áp, cao áp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Buôn bán sắt thép; Bán buôn phế liệu (trừ phế liệu độc hại, phế thải nguy hại, phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về môi trường);
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Xây dựng lắp đặt đường dây tải điện, trạm biến áp cao thế, trung thế, hạ thế;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (trừ xi mạ, không sản xuất tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí (trừ xi mạ, không gia công tại trụ sở; chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)/.

3. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty so với cùng kỳ năm trước có biến động lớn. Cụ thể các biến động này, Công ty đã có Công văn giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin theo quy định hiện hành tại Công văn số 02/CT-KTTC ngày 19/01/2018.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (đồng), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31/12/2017, tài sản ngắn hạn của Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 90,4 tỷ đồng, số lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 khoảng 138 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2017 âm khoảng 80,9 tỷ đồng. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào Ban Giám đốc Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty trong tương lai gần là do Công ty đã đạt được kế hoạch tái cơ cấu tài chính, thu xếp được nguồn để tăng vốn thông qua chuyển nợ thành vốn góp của chủ nợ (Công ty Mua bán nợ Việt Nam- DATC), bù đắp lỗ lũy kế xóa nợ của DATC và tiếp tục triển khai các hợp đồng đang thực hiện.

Các nội dung trên được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 01/NQ-HDQT ngày 29/01/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.4, với một số nội dung chính như sau:

- Tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ lên 82 tỷ: Tăng 42 tỷ đồng, tương đương 4.200.000 cổ phần phổ thông; Đối tượng nhận mua cổ phần phát hành tăng thêm là Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) thông qua việc chuyển nợ thành vốn góp cổ phần tỷ lệ 1:1, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Thống nhất việc thu hồi nợ và giảm trừ trách nhiệm trả nợ (xóa nợ) của DATC cho Công ty cổ phần Lilama 45.4 trên cơ sở giá mua bán khoản nợ, số âm vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm tái cơ cấu.
- Ngoài ra, Công ty cũng dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2018 và cả năm 2018 với việc cải thiện doanh thu và có lợi nhuận dương.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định
- Chi phí chờ phân bổ khác;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tình chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ vay

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, chủ nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm là chi phí cho vay và đi vay vốn. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng		
		31/12/2017	01/01/2017	
1. Tiền				
Tiền mặt		120.028.000	27.863.600	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		1.240.874.727	3.086.608.741	
Cộng		1.360.902.727	3.114.472.341	
2. Phải thu khách hàng		31/12/2017	01/01/2017	
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>				
- Viện NCTKKSĐN Điện lực Quảng Tây		2.355.913.591	5.808.799.154	
- Viện Nghiên cứu Cơ Khí (NARIME)		12.541.989.836	11.183.726.179	
- CHALIECO - CT Bauxit nhôm Lâm Đồng		-	8.232.787.845	
- Cty TNHH XD-TM DL Công Lý		3.662.881.866	3.662.881.866	
- PASSAVANT ENERGY & ENVIRONMENT GMBH - Thủ Đức		2.679.323.710	3.195.704.320	
- Cty China Haisum - Dự án VKPC (Vina Kraft Bình Dương)		-	2.911.290.928	
- Các khách hàng khác		25.153.543.638	16.957.022.221	
<i>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>				
- Công ty CP Lilama 3		103.420.461	103.420.461	
- Công ty CP Lilama 3		1.828.333.085	2.860.255.000	
- Công ty CP Lilama 45.1		417.549.658	417.549.658	
- Công ty CP Lilama 45.3		3.185.886.935	-	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP		925.431.768	177.561.767	
Cộng		52.854.274.548	55.510.999.399	
3. Phải thu khác		31/12/2017	01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	573.642.445	204.300.777	782.392.452	-
- Phải thu khác	223.187.777	204.300.777	334.859.777	-
- Tạm ứng	350.454.668	-	447.532.675	-
Cộng	573.642.445	204.300.777	782.392.452	-
4. Nợ xấu		31/12/2017	01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán</i>				
- Phải thu khách hàng	2.256.732.916	-	996.371.641	-
- Trả trước cho người bán	591.910.300	-	591.910.300	-
- Phải thu khác	204.300.777	-	204.300.777	-
Cộng	3.052.943.993	-	1.792.582.718	-
5. Hàng tồn kho		31/12/2017	01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.163.733.489	106.712.760	1.163.733.489	106.712.760
Công cụ, dụng cụ	84.128.831	-	144.347.087	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	131.071.815.462	-	248.582.849.269	-
Cộng	132.319.677.782	106.712.760	249.890.929.845	106.712.760

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	18.736.527.301	21.629.135.343	22.576.672.198	286.008.328	63.228.343.170
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	160.372.800	373.871.955	-	534.244.755
- Thanh lý, nhượng bán	-	160.372.800	373.871.955	-	534.244.755
Số dư cuối kỳ	18.736.527.301	21.468.762.543	22.202.800.243	286.008.328	62.694.098.415
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	14.158.675.916	20.210.221.656	19.436.973.140	218.731.096	54.024.601.808
Số tăng trong kỳ	922.469.832	545.338.363	1.272.705.922	29.892.036	2.770.406.153
- Khấu hao trong kỳ	922.469.832	545.338.363	1.272.705.922	29.892.036	2.770.406.153
Số giảm trong kỳ	-	130.372.800	230.858.513	-	361.231.313
- Thanh lý, nhượng bán	-	130.372.800	230.858.513	-	361.231.313
Số dư cuối kỳ	15.081.145.748	20.625.187.219	20.478.820.549	248.623.132	56.433.776.648
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	4.577.851.385	1.418.913.687	3.139.699.058	67.277.232	9.203.741.362
Tại ngày cuối kỳ	3.655.381.553	843.575.324	1.723.979.694	37.385.196	6.260.321.767

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 5.838.027.640 đồng

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.798.067.776 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Số dư cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000
Tại ngày cuối kỳ	2.981.500.000	2.981.500.000

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
- Sửa chữa tài sản cố định	-	370.502.900
- Tiền thuê đất-xương cơ khí	-	51.871.500
- Công cụ dụng cụ	191.426.364	621.677.742
Cộng	191.426.364	1.044.052.142

9. Phải trả người bán	Giá trị	31/12/2017		01/01/2017	
		Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Phải trả người bán ngắn hạn					
- Cty TNHH TMDV Hương Thái	3.336.302.599	3.336.302.599	4.436.302.599	4.436.302.599	
- Cty CP TM&SX Thái Dương Anh	3.404.774.762	3.404.774.762	5.904.774.762	5.904.774.762	
- Cty TNHH MTV cơ khí Chánh Hưng	2.454.827.152	2.454.827.152	4.054.827.152	4.054.827.152	
- Các đối tượng khác	33.197.456.907	33.197.456.907	38.403.223.763	38.403.223.763	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Cty CP Lilama Thí nghiệm Cơ điện	73.336.300	73.336.300	73.336.300	73.336.300	
- Cty CP Lilama 3	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805	1.019.922.805	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.(MTC + Nợ khác)	3.296.888.563	3.296.888.563	591.296.418	591.296.418	
Cộng	46.783.509.088	46.783.509.088	54.483.683.799	54.483.683.799	

10. Người mua trả tiền trước	31/12/2017		01/01/2017	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty CP trang thiết bị HANOI TC		688.937.288		-
- Công ty CP ĐTXD và TM Quốc Tế (ICT)		625.441.632		625.441.632
- Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		2.235.321.635		2.243.156.749
- Các khách hàng khác		254.127.193		171.805.267
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP		9.850.121.849		18.355.927.278
- Công ty CP Lilama 69.2		300.000.000		300.000.000
Cộng		13.953.949.597		21.696.330.926

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp		31/12/2017	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng đầu ra		4.633.544.726		3.909.901.468				
Thuế thu nhập doanh nghiệp		145.012.492		-				
Thuế thu nhập cá nhân		1.560.634.059		50.119.000				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		94.501.776						
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác		4.389.371.405						
Cộng		10.823.064.458		3				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách, chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả	31/12/2017		01/01/2017	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Ngắn hạn				
Chi phí lãi vay		1.01		
Chi phí công trình Thủy điện Vĩnh Hà		7.349.6		
Chi phí công trình Thủy điện An Khê - Ka Nak		-		70.611.000
Chi phí công trình Thủy điện Thác Mơ		1.267.265.550		70.611.000
Chi phí công trình Nhà máy Đường Đắk Lắk		1.742.180.039		-
Chi phí các công trình khác		1.272.725.513		583.557.500
Cộng		12.643.593.694		10.215.960.775

13. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	378.285.971	487.601.427
Bảo hiểm xã hội	11.392.269.750	6.970.102.265
Bảo hiểm thất nghiệp	145.951.718	2.925.704.506
Các khoản phải trả, phải nộp khác	40.808.298.564	30.997.178.973
- Cổ tức phải trả	6.766.000.000	6.766.000.000
- Nợ các đội công trình	15.020.968.293	16.794.549.589
- Quý Tinh thương	257.835.180	251.123.180
- Lãi Vay	14.634.299.987	4.003.578.447
- Phải trả do quá hạn thanh toán tiền vay	693.306.347	-
- Tiền trợ cấp thôi việc phải trả	2.975.702.000	2.637.441.000
- Phải trả khác	460.186.757	544.486.757
Cộng	52.724.806.003	41.380.587.171

14. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017				01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	127.842.927.404	127.842.927.404	147.606.878.270	153.907.626.101	134.143.675.235	134.143.675.235
- Chi nhánh Cty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP. HCM ⁽¹⁾	126.892.927.404	126.892.927.404	126.892.927.404	-	-	-
- Ngân hàng Đầu tư và PT Đồng Nai ⁽¹⁾	-	-	20.713.950.866	153.907.626.101	133.193.675.235	133.193.675.235
- Vay cá nhân	950.000.000	950.000.000	-	-	950.000.000	950.000.000

⁽¹⁾ Toàn bộ khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được chuyển qua Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM theo Hợp đồng mua bán nợ số 87/2017/HĐMBN ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM; Biên bản xác nhận và chuyển giao quyền chủ nợ giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại TP.HCM và Công ty cổ phần Lilama 45.4 ngày 28/12/2017.

15. Vốn chủ sở hữu	a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	15.451.355.500	58.689.355.500
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	26.370.726.918	26.370.726.918
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	26.370.726.918	26.370.726.918
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	(10.919.371.418)	32.318.628.582
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm nay	-	-	-	113.314.983.646	113.314.983.646
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	113.314.983.646	113.314.983.646
Số dư cuối kỳ	40.000.000.000	3.520.000.000	(282.000.000)	(124.234.355.064)	(80.996.355.064)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - CTCP	14.023.460.000	18.423.460.000
Vốn góp của cổ đông khác	25.976.540.000	21.576.540.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

	Kỳ này	Kỳ trước
c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d) Cổ phiếu	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	20.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000	20.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.980.000	3.980.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.980.000	3.980.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		
16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2017	01/01/2017
a) Ngoại tệ các loại		
- USD	104,14	58,40
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
		Đơn vị tính: đồng
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ	39.330.892.573	118.932.348.400
b) Doanh thu của hợp đồng xây lắp được ghi nhận trong kỳ với các bên liên quan		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	16.461.543.052	33.717.780.507
Công ty CP Lilama 45.3	4.350.806.304	-
Công ty CP Lilama 3	698.634.632	-
Cộng	60.841.876.561	152.650.128.907
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động xây lắp	155.077.105.871	162.222.722.272
Cộng	155.077.105.871	162.222.722.272
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.240.642	636.472.490
Lãi chênh lệch tỷ giá	43.617.399	1.199.837.271
Cộng	47.858.041	1.836.309.761
4. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	11.550.410.218	12.647.362.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	158.753.661
Cộng	11.550.410.218	12.806.116.062

	Năm nay	Năm trước
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.581.078.197	6.062.997.236
Chi phí quản lý khác	3.986.346.983	7.698.506.657
Cộng	6.567.425.180	13.761.503.893
6. Thu nhập khác		
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	27.077.467	12.948.121.403
Các khoản khác	1.085.926.647	294.297.239
Cộng	1.113.004.114	13.242.418.642
7. Chi phí khác		
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.161.542.450	898.223.212
Phạt vi phạm hành chính	-	2.868.059.251
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	188.507.742
Phạt trảm trả tiền vay	693.306.347	1.157.753.098
Các khoản khác	267.932.296	196.698.698
Cộng	2.122.781.093	5.309.242.001
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	(113.314.983.646)	(26.370.726.918)
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ ⁽²⁾	-	-
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.980.000	3.980.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu $\{=(c-d)/e\}$	(28.471)	(6.626)
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu $\{=(c-d)/e\}$	(28.471)	(6.626)
⁽²⁾ Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 28/6/2017 thì không phân phối lợi nhuận năm 2016 do hoạt động kinh doanh đang bị lỗ. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu không phải tính đến ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi		
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.037.026.190	38.731.246.077
Chi phí nhân công	18.288.697.076	59.472.535.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.770.406.153	3.456.140.955
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.765.029.556	58.515.658.739
Chi phí khác bằng tiền	3.272.338.269	8.906.065.782
Cộng	44.133.497.244	169.081.646.707

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1. Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Doanh thu thực hiện	16.461.543.052
		Thu tiền khối lượng	8.892.739.112
		Bù trừ công nợ	438.713.168
		Chi phí sử dụng cầu, điện, nước...	418.676.388
2. Công ty cổ phần Lilama 45.3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Doanh thu thực hiện	4.350.806.304
		Thu tiền khối lượng	700.000.000
		Bù trừ công nợ	900.000.000
3. Công ty cổ phần Lilama 3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Doanh thu thực hiện	698.634.632

Tiền lương, thù lao

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát, thư ký

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị	397.277.000	702.459.000
Tiền lương, thù lao Ban kiểm soát, thư ký	227.875.000	316.187.000

Theo Nghị quyết họp đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 28/6/2017 thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Hội đồng quản trị sẽ không được nhận thù lao trong năm 2017.

3. Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động của Công ty là kinh doanh trong các khu vực địa lý không có khác biệt lớn về điều kiện sản xuất kinh và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2018

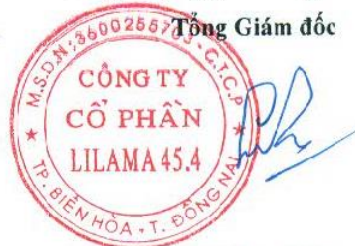
Người lập biểu

Phan Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Phan Thị Thanh Thủy

Tổng Giám đốc



Phan Cao Viên

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4

Đồng Nai, ngày 16 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.4



Tổng Giám Đốc
Phan Cao Viên